

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/ 2022/ HS-ST

Ngày: 17/ 3/ 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hạnh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Ông Nguyễn Duy Ninh - Th- ký TAND thành phố Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Q - Kiểm sát viên.

Ngày 17/ 3/ 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 106/ 2022/ HSST ngày 21/ 01/ 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/QĐXXST- HS ngày 16/ 02/ 2022 đối với bị cáo:

Trịnh Xuân C - Sinh 1971; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trịnh Xuân C và bà Hoàng Thị H; Có vợ là Lê Thị Bé Ch và có 04 con (Con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2009); Tiền án, Tiền sự : Không ; Tạm giữ từ ngày 21/10/2021 đến ngày 30/10/2021 chuyển tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Thanh Hóa - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại : Anh Nguyễn Văn Q – sinh năm 1975; - Vắng mặt.

Địa chỉ: 24 Lý Chí Thắng, Khánh Hiệp, Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Người làm chứng: Anh Đỗ Ngọc L - sinh năm 1965- Vắng mặt

Địa chỉ: Bà Triệu, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa,

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17h ngày 08/3/1997, Lê Văn H đến nhà và rủ Lê Văn B đến nhà Trịnh Văn C. Sau đó H, B và C đi uống bia ở quán ven đường ở phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa. Tại đây, H nói với B và C: “ Anh muốn đánh thẳng

L, nhà nó ở gần đây cần 02 em giúp đỡ”, thì C và B đồng ý. Đến khoảng 19h cùng ngày H, B và C đến nhà Đỗ Ngọc L ở phố Tân L, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, đến nơi H và C đi vào nhà, còn B đứng ngoài cảnh giới. H bước vào nhà lên tiếng gọi tên L, nghe tiếng gọi mình anh L từ trong nhà mở cửa thì bị H cầm gạch đập, nh L giờ chiếc cặp lên đỡ nên không trúng người. Bị đánh bất ngờ anh L chạy vào nhà kêu cứu thì có anh Nguyễn Văn Q (là em vợ L) từ trong nhà chạy ra thì bị H cầm gạch ném vào đầu gây thương tích, hậu quả anh Q bị thương. Sau đó có người truy hô nên H và C bỏ chạy ra ngoài cùng B bỏ đi.

Giấy xếp hạng thương tật số 78/GDPY ngày 30/4/1997, của Hội đồng giám định pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tỷ lệ thương tật của anh Nguyễn Văn Q là 20%.

Quá trình điều tra, Trịnh Xuân C đã bỏ trốn, nên ngày 26/4/1997 cơ quan CSĐT công an thành phố Thanh Hóa đã ra quyết định truy nã đối với Trịnh Xuân C. Đến tháng 7 năm 1997 Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định tách vụ án hình sự và tạm đình chỉ điều tra vụ án.

Ngày 25/11/1997 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm và ngày 17/3/1998 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xét xử phúc thẩm đối với Lê Văn H và Lê Văn B về tội “ Cố ý gây thương tích” theo Khoản 1 Điều 109 của Bộ luật hình sự 1985 và đã giải quyết phần bồi thường trong bản án .

Ngày 21/10/2021, Trịnh Xuân C đã đến Công an thành phố Thanh Hóa đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Thanh Hóa đã tiến hành phục hồi điều tra vụ án và phục hồi điều tra bị can đối với Trịnh Xuân C theo quy định.

Quá trình điều tra xác định các đối tượng đồng phạm với Trịnh Xuân C thì hiện nay Lê Văn H đã chết còn Lê Văn B đã chuyển đi nơi khác không xác định được nơi ở mới của Lê Văn B.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 58/CT-VKS-TPTH ngày 18/ 01/ 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, đã truy tố Trịnh Xuân C về tội “ Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Khoản 1 Điều 109 của Bộ luật hình sự 1985.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 109 của Bộ luật hình sự 1985; Điểm i, s Khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015.

Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Xử phạt: Trịnh Xuân C: Từ 09 đến 12 tháng tù;

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:

Quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi quyết định của người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Khoảng 19h ngày 08/3/1997 bị cáo đã cùng với Lê Văn H và Lê Văn B đến nhà anh Đỗ Ngọc L. mục đích để đánh anh L. Khi đến nơi B đứng ngoài cánh giới, còn H và bị cáo đi vào trong nhà, tại đây hai bên xảy ra xô sát và H đã dùng gạch gây thương tích cho anh Nguyễn Văn Q là em vợ anh Đỗ Ngọc L. Hậu quả anh Nguyễn Văn Q bị thương tích 20%.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, theo quy định tại Khoản 1 Điều 109 của Bộ luật hình sự 1985.

[3] Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Giữa bị cáo và bị hại không có mối quan hệ gì với nhau, chỉ vì Lê Văn H là bạn bè có rủ bị cáo đi đánh anh L để giải quyết mâu thuẫn giúp H, nên bị cáo đã đồng ý đi cùng. Tuy trong vụ án này bị cáo Trịnh Xuân C chỉ tham gia với vai trò giúp sức, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương, gây tổn thất về vật chất, tinh thần cho người bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do đó cần xử lý nghiêm trước pháp luật.

[4] Đánh giá về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS;

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đầu thú. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm d, h Khoản 1, 2 Điều 38 của Bộ luật hình sự 1985.

[5] Về hình phạt:

Căn cứ vào nhân thân và tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết trong bản án xét xử đối với bị cáo Lê Văn H và Lê Văn B vào năm 1997.

[8] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm a khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 109; Điểm d, h Khoản 1,2 Điều 38; Điều 25 của Bộ luật hình sự 1985.

Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Xuân C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Trịnh Xuân C 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/10/2021 (ngày tạm giữ).

Về trách nhiệm dân sự:

Đã được giải quyết trong bản án xét xử đối với bị cáo Lê Văn H và Lê Văn B vào năm 1997.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST là 200.000đ.

Bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo; bị hại;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Thanh Hóa.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Hương